TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 10-6-2022
"*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Huê và ông Biền Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-TCDS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS, ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Tòa nhà Thaiholdings TOWER, 210 - Trần Quang K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Q

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Huy P - Chuyên viên khách hàng Phòng giao dịch Bắc Q Ngân hàng TMCP B chi nhánh Q (văn bản ủy quyền số 305/2021/UQ-LiênVietPostBank ngày 10/5/2021); địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P; địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2021, bản tự khai, biên bản phiên họp và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 08/9/2017, giữa Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Q đã ký kết với chị Nguyễn Thị P Hợp đồng tín dụng số HDTD453201791. Ngân hàng đã cho chị P vay với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ gốc vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 10/2017, được chia làm 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng vào ngày 08/9/2020, mục đích vay là để mua sắm nội thất gia đình.

Quá trình thực hiện Hợp đồng chị P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 33.360.000 đồng và tiền lãi hàng tháng tương ứng. Từ ngày 15/10/2019 đến nay, chị P đã không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để chị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả, chị Nguyễn Thị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết.

Để thu hồi vốn, đại diện cho Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 26.143.463 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.640.000 đồng, tiền nợ lãi là 9.503.463 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho chị Nguyễn Thị P nhưng chị P đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và người thân của chị P, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ cho phía bị đơn chị Nguyễn Thị P, gia đình chị P cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản do Tòa án tống đạt. Qua thông tin từ gia đình chị P và chính quyền địa phương thì chị P đã rời đi khỏi địa phương, không biết làm gì, ở đâu; chị P không thông báo cho người thân, người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới nên không cung cấp được địa chỉ mới của chị P cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị P.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền là 26.143.463 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.640.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2022) là 9.503.463 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 10/6/2022 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Ngân hàng TMCP B với chị Nguyễn Thị P đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích tiêu dùng cá nhân, gia đình, do chị Nguyễn Thị P vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị P vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị P.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự: Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ vay, thấy rằng: Vào ngày 08/9/2017, giữa Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B chi nhánh Q với chị Nguyễn Thị P đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD453201791. Trên cơ sở Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị P vay với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ gốc vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 10/2017, được chia làm 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng vào ngày 08/9/2020; mục đích vay là để mua sắm nội thất gia đình.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay chị Nguyễn Thị P chỉ mới thanh toán được khoản tiền gốc là 33.360.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương

ứng. Chị P đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án để thu hồi khoản tiền nợ vay là hoàn toàn có căn cứ. Ngân hàng đã tính lãi với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thoả thuận trong hợp đồng. Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp đã tính đúng số ngày, mức lãi suất áp dụng trong hợp đồng tín dụng ký kết.

[3] Đối với chị Nguyễn Thị P, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, thông báo, triệu tập nhiều lần để chị P có mặt nhằm tạo điều kiện để các bên hòa giải, thống nhất, thỏa thuận phương án giải quyết vụ án, phương thức thanh toán khoản tiền nợ nhưng không có kết quả. Chị P đã bỏ đi khỏi địa phương, cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện việc chị P không thực hiện, không chấp hành mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với khoản nợ vay Ngân hàng và pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ Điều 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 26.143.463 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.640.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.503.463 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 401, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền nợ là 26.143.463 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 16.640.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2022) là 9.503.463 đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (10/6/2022), chị Nguyễn Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay" .

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu 1.307.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 588.000 đồng theo biên lai thu số 0001321 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực